

# **CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**

**Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**

# **CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**

Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,  
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

---

## **NỘI DUNG**

	<b><u>Trang</u></b>
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	01-22
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	01-03
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	04
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	05-06
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	07-22

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>260.012.389.379</b>	<b>217.840.812.765</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>52.304.741.886</b>	<b>36.099.041.976</b>
111	1. Tiền		11.579.741.886	10.099.041.976
112	2. Các khoản tương đương tiền		40.725.000.000	26.000.000.000
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>4</b>	<b>23.880.000.000</b>	<b>3.400.000.000</b>
121	1. Đầu tư ngắn hạn		23.880.000.000	3.400.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>91.477.606.181</b>	<b>90.053.777.696</b>
131	1. Phải thu của khách hàng		87.128.232.469	92.260.788.877
132	2. Trả trước cho người bán		14.202.603.146	1.935.227.275
135	5. Các khoản phải thu khác	5	1.032.612.054	202.385.121
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(10.885.841.488)	(4.344.623.577)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>6</b>	<b>87.114.272.185</b>	<b>86.873.066.219</b>
141	1. Hàng tồn kho		87.114.272.185	86.873.066.219
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>5.235.769.127</b>	<b>1.414.926.874</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		606.971.096	328.627.070
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		34.484.952	-
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	7	2.635.884.109	-
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	8	1.958.428.970	1.086.299.804
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>447.897.493.425</b>	<b>399.160.768.201</b>
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>103.644.131.632</b>	<b>106.004.233.721</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	93.278.874.307	102.292.593.233
222	- Nguyên giá		186.773.673.961	183.451.740.838
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(93.494.799.654)	(81.159.147.605)
227	3. Tài sản cố định vô hình	10	2.398.609.891	2.557.185.697
228	- Nguyên giá		3.120.071.126	3.104.071.126
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(721.461.235)	(546.885.429)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	7.966.647.434	1.154.454.791
<b>250</b>	<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>12</b>	<b>335.842.973.365</b>	<b>284.049.984.955</b>
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		335.842.973.365	284.049.984.955
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>8.056.552.878</b>	<b>8.702.045.822</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	7.557.915.309	8.471.238.116
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	25.2	498.637.569	230.807.706
<b>269</b>	<b>VI. Lợi thế thương mại</b>		<b>353.835.550</b>	<b>404.503.703</b>
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>707.909.882.804</b>	<b>617.001.580.966</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>194.084.189.220</b>	<b>160.686.531.130</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>184.740.824.153</b>	<b>149.433.164.311</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	14	51.241.562.405	46.689.792.327
312	2. Phải trả người bán		29.090.563.667	15.275.048.584
313	3. Người mua trả tiền trước		26.191.453.383	26.741.415.516
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	4.885.286.657	3.418.029.818
315	5. Phải trả người lao động		7.978.028.522	3.215.314.737
316	6. Chi phí phải trả	16	6.111.428.960	3.987.541.343
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	17	45.582.346.288	46.024.806.168
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		11.207.591.488	1.902.993.961
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.452.562.783	2.178.221.857
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>9.343.365.067</b>	<b>11.253.366.819</b>
333	3. Phải trả dài hạn khác		1.500.000.000	-
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		746.237.636	508.831.638
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn		-	3.766.521.900
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		7.097.127.431	6.978.013.281
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>473.750.636.492</b>	<b>422.516.634.807</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>18</b>	<b>472.979.090.696</b>	<b>421.627.460.439</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		320.000.000.000	320.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		91.683.218	91.683.218
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		1.222.118	(386.131)
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		1.565.844.236	1.439.452.887
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		647.423.757	252.935.908
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		150.672.917.367	99.843.774.557
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>771.545.796</b>	<b>889.174.368</b>
432	1. Nguồn kinh phí		(29.000.000)	(29.000.000)
433	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		800.545.796	918.174.368
<b>439</b>	<b>C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>		<b>40.075.057.092</b>	<b>33.798.415.029</b>
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>707.909.882.804</b>	<b>617.001.580.966</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
		VND	VND
4. Nợ khó đòi đã xử lý		3.813.793.877	3.825.930.046
5. Ngoại tệ các loại			
- Đồng Dollar Mỹ (USD)		318,08	2.085,95

---

**Nguyễn Thị Thanh Mai**  
Kế toán trưởng

---

**Phạm Mạnh Hà**  
Tổng Giám đốc

*Lập, ngày 10 tháng 02 năm 2012*

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Năm 2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	485.325.634.034	409.278.104.548
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20	2.495.721.240	1.160.427.284
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	482.829.912.794	408.117.677.264
11	4. Giá vốn hàng bán	22	371.056.804.946	316.900.312.102
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		111.773.107.848	91.217.365.162
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	6.774.297.924	5.275.358.381
22	7. Chi phí tài chính	24	8.044.542.507	6.183.244.112
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		7.500.495.026	5.164.511.108
24	8. Chi phí bán hàng		31.879.420.426	27.232.405.055
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		38.936.952.394	31.512.132.799
30	10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		39.686.490.445	31.564.941.577
31	11. Thu nhập khác		798.364.593	1.940.854.590
32	12. Chi phí khác		117.712.732	118.543.867
40	13. Lợi nhuận khác		680.651.861	1.822.310.723
45	14. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh		56.942.988.410	55.153.787.120
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		97.310.130.716	88.541.039.420
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25.1	7.512.883.009	6.887.356.791
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	25.2	(729.445.275)	(230.807.706)
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		90.526.692.982	81.884.490.335
61	18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số		7.148.186.323	6.738.994.883
62	18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		<u>83.378.506.659</u>	<u>75.145.495.452</u>
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	2.606	2.348

Nguyễn Thị Thanh Mai  
Kế toán trưởngPhạm Mạnh Hà  
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 10 tháng 02 năm 2012

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Năm 2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		545.313.761.355	440.159.016.618
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(353.329.342.252)		(308.146.824.525)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động	(61.508.053.322)		(47.610.823.493)
04	4. Tiền chi trả lãi vay	(5.172.392.474)		(5.303.540.791)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	(8.018.678.261)		(6.874.077.744)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	21.126.153.594		19.416.215.547
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(59.075.830.351)		(63.529.647.042)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>79.335.618.289</b>	<b>28.110.318.570</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	(18.096.621.103)		(13.592.940.872)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	456.936.622		478.545.455
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(80.354.910.076)		(18.250.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	73.071.896.376		19.650.000.000
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-		4.932.400.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	6.305.182.447		17.922.678.216
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(18.617.515.734)</b>	<b>11.140.682.799</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		1.748.628.000	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	39.613.369.827		117.516.611.837
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(53.875.622.590)		(113.759.062.006)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(32.000.000.000)		(15.127.185.000)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(44.513.624.763)</b>	<b>(11.369.635.169)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,  
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT***(Theo phương pháp trực tiếp)*

Năm 2011

50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	16.204.477.792	27.881.366.200
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	36.099.041.976	8.219.436.075
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	1.222.118	(1.760.299)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	<u>52.304.741.886</u>	<u>36.099.041.976</u>

---

**Nguyễn Thị Thanh Mai**  
Kế toán trưởng

---

**Phạm Mạnh Hà**  
Tổng Giám đốc*Lập, ngày 10 tháng 02 năm 2012*



## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Năm 2011**

### **1 . THÔNG TIN CHUNG**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội là công ty cổ phần được chuyển đổi (cổ phần hóa) từ Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Chế tạo Điện cơ Hà Nội theo Quyết định số 1531/QĐ-BCT ngày 25 tháng 03 năm 2009 và Quyết định số 3013/QĐ-BCT ngày 15 tháng 06 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công thương. Công ty chính thức chuyển sang hoạt động sản xuất kinh doanh theo mô hình công ty cổ phần kể từ ngày 01/07/2009 căn cứ vào Công văn số 7224/BCT-TC ngày 27/07/2009 của Bộ Công thương.

Trụ sở chính của Công ty tại: Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh của Công ty là: 320.000.000.000 VND. Tương đương 32.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

#### **Công ty có các công ty con sau:**

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương	Số 37, Đại Lộ Hồ Chí Minh, TP Hải Dương, Tỉnh Hải Dương
- Công ty Cổ phần Điện cơ Hà Nội	KCN Lê Minh Xuân, Quận Bình Chánh, TP Hồ Chí Minh
- Công ty Cổ phần Cơ điện Hà Nội	Xóm 6, Xã Đông Ngạc, Huyện Từ Liêm, TP Hà Nội
- Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	Km12, Quốc lộ 32, Phú Diễn, Huyện Từ Liêm, TP Hà Nội

#### **Công ty có các công ty liên kết sau:**

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Công ty TNHH SAS-CTAMAD	Số 44B, Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 12.

#### **Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty gồm:

- Thiết kế, chế tạo, sửa chữa, lắp đặt và kinh doanh các loại động cơ điện, máy phát điện, máy bơm, máy phát điện, máy biến áp, hệ thống tủ điện, thiết bị điện cao áp và hạ áp dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng;
- Thi công, lắp đặt công trình, đường dây, trạm thủy điện và trạm biến áp đến 220KV;
- Thi công các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, công trình thủy lợi;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị phụ tùng máy móc;
- Kinh doanh bất động sản, khách sạn, cho thuê văn phòng.

## **2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

### **Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### **Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### *Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

### **Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2011. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng năm kế toán với báo cáo tài chính của Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

### **Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

**Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá mua so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó và không quá 10 năm.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

**Bất lợi kinh doanh**

Bất lợi thương mại là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết và đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày diễn ra nghiệp vụ mua công ty so với mức giá mua công ty. Bất lợi thương mại được hạch toán ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 40 năm
- Máy móc, thiết bị	07 - 30 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 12 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 06 năm

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm chi phí thực tế bỏ ra để có quyền sử dụng đất và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng.

### **Các khoản đầu tư dài hạn**

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "trương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

### **Chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

### **Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

### **Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

### **Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính của năm tài chính. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh ở khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán và sẽ được ghi giảm trong năm tiếp theo; chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản nợ dài hạn có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Tuy nhiên, trường hợp ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản nợ phải trả dài hạn vào chi phí dẫn đến kết quả kinh doanh của công ty bị lỗ, một phần chênh lệch tỷ giá có thể được phân bổ vào các năm sau để công ty không bị lỗ nhưng mức ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Số chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được theo dõi và tiếp tục phân bổ vào chi phí trong các năm tiếp theo với thời gian tối đa là 5 năm.

### **Ghi nhận doanh thu**

#### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**Ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**Các khoản thuế***Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Tiền mặt	295.337.252	157.190.031
Tiền gửi ngân hàng	11.284.404.634	9.941.851.945
Các khoản tương đương tiền	40.725.000.000	26.000.000.000
	<u><b>52.304.741.886</b></u>	<u><b>36.099.041.976</b></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,  
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn khác	23.880.000.000	3.400.000.000
	<b><u>23.880.000.000</u></b>	<b><u>3.400.000.000</u></b>

**5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Phải thu về cổ phần hoá	21.520.000	33.730.000
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	411.871.020	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	-	2.795.361
Phải thu khác	599.221.034	165.859.760
	<b><u>1.032.612.054</u></b>	<b><u>202.385.121</u></b>

**6 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	27.904.913.062	35.058.504.089
Công cụ, dụng cụ	1.065.076.759	1.256.194.096
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	8.126.208.315	8.235.774.384
Thành phẩm	39.005.509.536	38.868.051.037
Hàng hoá	10.525.485.047	2.772.202.619
Hàng gửi đi bán	487.079.466	682.339.994
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b><u>87.114.272.185</u></b>	<b><u>86.873.066.219</u></b>

**7 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	508.506.697	-
Thuế Thu nhập cá nhân	4.542.113	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	2.122.835.299	-
	<b><u>2.635.884.109</u></b>	<b><u>-</u></b>

**8 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tạm ứng	1.958.428.970	976.232.443
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	-	110.067.361
	<b><u>1.958.428.970</u></b>	<b><u>1.086.299.804</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**

Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,  
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

---

**9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,  
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	<b>Cộng</b>
	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>3.038.689.253</b>	<b>18.000.000</b>	<b>47.381.873</b>	<b>3.104.071.126</b>
<b>Số tăng trong năm</b>	-	-	<b>16.000.000</b>	<b>16.000.000</b>
- Mua sắm mới	-	-	16.000.000	16.000.000
<b>Số giảm trong năm</b>	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>3.038.689.253</b>	<b>18.000.000</b>	<b>63.381.873</b>	<b>3.120.071.126</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>506.852.559</b>	<b>17.000.000</b>	<b>23.032.870</b>	<b>546.885.429</b>
<b>Số tăng trong năm</b>	<b>163.012.158</b>	<b>1.000.000</b>	<b>10.563.648</b>	<b>174.575.806</b>
- Trích khấu hao	163.012.158	1.000.000	10.563.648	174.575.806
<b>Số giảm trong năm</b>	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>669.864.717</b>	<b>18.000.000</b>	<b>33.596.518</b>	<b>721.461.235</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>2.531.836.694</b>	<b>1.000.000</b>	<b>24.349.003</b>	<b>2.557.185.697</b>
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>2.368.824.536</b>	<b>-</b>	<b>29.785.355</b>	<b>2.398.609.891</b>

**11 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>7.870.652.404</b>	<b>1.092.797.554</b>
- Công công ty	-	854.030.000
- Các công trình khác của các công ty con	7.870.652.404	238.767.554
<b>Mua sắm tài sản cố định</b>	<b>36.588.928</b>	<b>61.657.237</b>
- Khuôn đúc áp lực 3k112	-	61.657.237
- Mua máy đập 100T, 110T	36.588.928	-
<b>Sửa chữa lớn tài sản cố định</b>	<b>59.406.102</b>	<b>-</b>
- Máy móc của công ty mẹ	59.406.102	-
	<b>7.966.647.434</b>	<b>1.154.454.791</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,  
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**12 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
- Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương	-	-
<b>Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh</b>	<b>335.842.973.365</b>	<b>284.049.984.955</b>
- Công ty TNHH SAS - CTAMAD	335.842.973.365	284.049.984.955
	<b><u>335.842.973.365</u></b>	<b><u>284.049.984.955</u></b>

**Đầu tư vào công ty con**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2011 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
-------------	-------------------------------	------------------	---------------------	-------------------------------

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2011 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH SAS - CTAMAD	Thành phố Hà Nội	35,00%	35,00%	Kinh doanh khách sạn, dịch vụ du lịch

**13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Giá trị lợi thế kinh doanh của quyền sử dụng đất	2.864.827.704	3.269.273.967
Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	696.350.800	1.112.446.125
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chờ phân bổ	3.638.000	437.060.971
Chi phí trả trước dài hạn khác	3.993.098.805	3.652.457.053
	<b><u>7.557.915.309</u></b>	<b><u>8.471.238.116</u></b>

**14 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>51.241.562.405</b>	<b>46.689.792.327</b>
- Vay ngân hàng	11.834.362.405	18.763.792.327
- Vay tổ chức khác	31.202.200.000	20.100.000.000
- Vay cá nhân	8.205.000.000	7.826.000.000
	<b><u>51.241.562.405</u></b>	<b><u>46.689.792.327</u></b>

**Chi tiết vay ngắn hạn**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Hà Nội	-	1.224.577.769

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,  
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Hà Nội	-	12.446.284.848
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Dương	7.767.478.405	2.802.929.710
Ngân hàng khác	4.066.884.000	2.290.000.000
Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam	31.072.200.000	20.000.000.000
Công đoàn Công ty	130.000.000	100.000.000
Cán bộ công nhân viên	8.205.000.000	7.826.000.000
	<b><u>51.241.562.405</u></b>	<b><u>46.689.792.327</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,  
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	2.332.864.101	749.343.479
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	29.531.402	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	2.176.053.582	2.433.967.280
Thuế Thu nhập cá nhân	346.837.572	206.221.943
Các loại thuế khác	-	28.497.116
	<b><u>4.885.286.657</u></b>	<b><u>3.418.029.818</u></b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Trích trước chi phí cho các công trình	3.070.875.500	-
Trích trước chi phí lãi vay	2.658.441.198	343.696.558
Trích trước chi phí phải trả khác	382.112.262	3.643.844.785
	<b><u>6.111.428.960</u></b>	<b><u>3.987.541.343</u></b>

**17 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	449.813.739	220.014.427
Bảo hiểm xã hội	7.478.217	16.657.429
Bảo hiểm y tế	8.654.040	-
Phải trả về cổ phần hoá	35.293.894.192	35.258.455.992
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	84.300.000	1.000.000.000
Phải trả, phải nộp khác	9.738.206.100	9.529.678.320
	<b><u>45.582.346.288</u></b>	<b><u>46.024.806.168</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**

Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,  
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

---

**18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,  
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 ngày 26 tháng 03 năm 2011, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2010 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế	100,00%	35.007.022.907
Trích Quỹ dự phòng tài chính	0,86%	300.000.000
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2,00%	700.000.000
Trích Quỹ khen thưởng Ban điều hành	0,71%	250.000.000
Chi trả cổ tức bằng 10% vốn điều lệ (đã chi trả trong năm 2011)	91,41%	32.000.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	5,02%	1.757.022.907

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Vốn góp của Nhà nước	81,48%	260.722.000.000	81,48%	260.722.000.000
Vốn góp của đối tượng khác	18,52%	59.278.000.000	18,52%	59.278.000.000
	<b>100%</b>	<b>320.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>320.000.000.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	320.000.000.000	320.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	320.000.000.000	320.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	320.000.000.000	320.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	32.000.000.000	12.800.000.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	32.000.000.000	12.800.000.000

**d) Cổ phiếu**

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	32.000.000	32.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	32.000.000	32.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	32.000.000	32.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	32.000.000	32.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	32.000.000	32.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Quỹ đầu tư phát triển	1.565.844.236	1.439.452.887
Quỹ dự phòng tài chính	647.423.757	252.935.908
	<b>2.213.267.993</b>	<b>1.692.388.795</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,  
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**19 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	485.325.634.034	409.278.104.548
	<b><u>485.325.634.034</u></b>	<b><u>409.278.104.548</u></b>

**20 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	370.765.000	-
Giảm giá hàng bán	581.582.026	-
Hàng bán bị trả lại	1.543.374.214	1.160.427.284
	<b><u>2.495.721.240</u></b>	<b><u>1.160.427.284</u></b>

**21 . DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	482.829.912.794	408.117.677.264
	<b><u>482.829.912.794</u></b>	<b><u>408.117.677.264</u></b>

**22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	371.056.804.946	316.900.312.102
	<b><u>371.056.804.946</u></b>	<b><u>316.900.312.102</u></b>

**23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	6.109.850.397	1.364.886.664
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	2.466.200.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	448.400.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	95.187.250	15.549.277
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	114.136.550
Doanh thu hoạt động tài chính khác	569.260.277	866.185.890
	<b><u>6.774.297.924</u></b>	<b><u>5.275.358.381</u></b>

**24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lãi tiền vay	7.500.495.026	5.164.511.108
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	544.047.481	799.770.787
Chi phí tài chính khác	-	218.962.217
	<b><u>8.044.542.507</u></b>	<b><u>6.183.244.112</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,  
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**25 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP****25.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	7.512.883.009	6.887.356.791
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>7.512.883.009</b>	<b>6.887.356.791</b>

**25.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	498.637.569	230.807.706
	<b>498.637.569</b>	<b>230.807.706</b>
	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
<b>Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào Báo cáo kết quả kinh doanh</b>		
Chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(498.637.569)	(230.807.706)
Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(230.807.706)	-
	<b>(729.445.275)</b>	<b>(230.807.706)</b>

**26 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	83.378.506.659	75.145.495.452
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	83.378.506.659	75.145.495.452
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	32.000.000	32.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>2.606</b>	<b>2.348</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**

Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,  
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

---

**27 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

---

**Nguyễn Thị Thanh Mai**

Kế toán trưởng

---

**Phạm Mạnh Hà**

Tổng Giám đốc

*Lập, ngày 10 tháng 02 năm 2012*

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,  
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>77.750.156.551</b>	<b>82.400.668.553</b>	<b>20.884.199.039</b>	<b>2.395.066.695</b>	<b>21.650.000</b>	<b>183.451.740.838</b>
<b>Số tăng trong năm</b>	<b>1.755.920.457</b>	<b>2.100.439.728</b>	<b>249.681.818</b>	<b>133.774.637</b>	<b>16.000.000</b>	<b>4.255.816.640</b>
- Mua sắm mới	48.680.184	1.628.865.714	138.181.818	112.374.637	16.000.000	1.944.102.353
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.707.240.273	395.056.742	-	-	-	2.102.297.015
- Tăng khác	-	76.517.272	111.500.000	21.400.000	-	209.417.272
<b>Số giảm trong năm</b>	<b>-</b>	<b>(868.200.001)</b>	<b>(41.030.063)</b>	<b>(24.653.453)</b>	<b>-</b>	<b>(933.883.517)</b>
- Thanh lý, nhượng bán	-	(846.800.001)	(41.030.063)	(24.653.453)	-	(912.483.517)
- Giảm khác	-	(21.400.000)	-	-	-	(21.400.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>79.506.077.008</b>	<b>83.632.908.280</b>	<b>21.092.850.794</b>	<b>2.504.187.879</b>	<b>37.650.000</b>	<b>186.773.673.961</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>27.727.914.723</b>	<b>41.708.794.922</b>	<b>10.337.677.253</b>	<b>1.363.110.707</b>	<b>21.650.000</b>	<b>81.159.147.605</b>
<b>Số tăng trong năm</b>	<b>3.411.378.151</b>	<b>7.151.702.751</b>	<b>2.058.135.339</b>	<b>382.341.344</b>	<b>5.304.168</b>	<b>13.008.861.753</b>
- Trích khấu hao	3.411.378.151	7.151.702.751	2.058.135.339	382.341.344	5.304.168	13.008.861.753
<b>Số giảm trong năm</b>	<b>-</b>	<b>(647.872.417)</b>	<b>(683.834)</b>	<b>(24.653.453)</b>	<b>-</b>	<b>(673.209.704)</b>
- Thanh lý, nhượng bán	-	(647.872.417)	(683.834)	(24.653.453)	-	(673.209.704)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>31.139.292.874</b>	<b>48.212.625.256</b>	<b>12.395.128.758</b>	<b>1.720.798.598</b>	<b>26.954.168</b>	<b>93.494.799.654</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>50.022.241.828</b>	<b>40.691.873.631</b>	<b>10.546.521.786</b>	<b>1.031.955.988</b>	<b>-</b>	<b>102.292.593.233</b>
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>48.366.784.134</b>	<b>35.420.283.024</b>	<b>8.697.722.036</b>	<b>783.389.281</b>	<b>10.695.832</b>	<b>93.278.874.307</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,  
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	<b>Cộng</b>
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	<b>VND</b>
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>320.000.000.000</b>	<b>2.510.470</b>	<b>478.045.670</b>	<b>551.688.482</b>	-	<b>37.680.618.125</b>	<b>358.712.862.747</b>
Lãi/lỗ trong năm	-	-	-	-	-	75.145.495.452	75.145.495.452
Chi trả cổ tức năm trước	-	-	-	-	-	(12.800.000.000)	(12.800.000.000)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-	-	(478.045.670)	-	-	-	(478.045.670)
Tăng khác	-	89.172.748	-	787.722.274	102.935.908	67.703.111	1.047.534.041
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	-	(386.131)	-	-	-	(386.131)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>320.000.000.000</b>	<b>91.683.218</b>	<b>(386.131)</b>	<b>1.339.410.756</b>	<b>102.935.908</b>	<b>100.093.816.688</b>	<b>421.627.460.439</b>
Lãi/lỗ trong năm	-	-	-	-	-	83.378.506.659	83.378.506.659
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	226.433.480	544.487.849	(1.250.000.000)	(479.078.671)
Chi trả cổ tức năm trước	-	-	-	-	-	(32.000.000.000)	(32.000.000.000)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-	-	386.131	-	-	-	386.131
Tăng khác	-	-	-	-	-	450.594.020	450.594.020
Chênh lệch tỷ giá cuối năm	-	-	1.222.118	-	-	-	1.222.118
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>320.000.000.000</b>	<b>91.683.218</b>	<b>1.222.118</b>	<b>1.565.844.236</b>	<b>647.423.757</b>	<b>150.672.917.367</b>	<b>472.979.090.696</b>